

Tên chung

CÔNG TY TNHH XUẤT - NHẬP KHẨU VÀ BÁN LẺ HÀNG TIÊU DÙNG HÀ NỘI

Số 51 phố Lê Đại Hành, P.Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

BẢNG KÊ THANH TOÁN

Ngày 20 tháng 11 năm 2023

Số chứng từ: 11442

TÊN ĐƠN VỊ THANH TOÁN

254000000439 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

hóa đơn / PNK phát sinh tháng trước vào ngày 20

NGÀY ĐẾN HẠN CHUYỂN TIỀN

20/11/2023

CÔNG NỢ CÓ ĐỊNH

0

TRỊ GIÁ BÁN HÀNG

84.241.019

TRỊ GIÁ TÒN TẠI NGÀY 20/11/2023

53.103.622

SỐ TIỀN CHƯA THANH TOÁN

0

CÔNG NỢ TẠI NGÀY 20/11/2023

63.092.788

ĐỊNH MỨC TÒN

0

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			
1	04/10/2023	59448	1.501.700	120.136	1.621.836	05/10/2023	400001132310001158	1.501.700	120.135	1.621.835
2	05/10/2023	60600	1.902.271	152.182	2.054.453	06/10/2023	400001132310001159	1.902.271	152.181	2.054.452
3	02/10/2023	59263	2.540.390	203.231	2.743.621	06/10/2023	400001132310001160	2.540.390	203.230	2.743.620
4	05/10/2023	60599	4.354.589	348.367	4.702.956	10/10/2023	400001132310001161	4.354.589	348.366	4.702.955
5	13/10/2023	61917	1.702.450	136.196	1.838.646	14/10/2023	400001132310004449	1.702.450	136.196	1.838.646
6	16/10/2023	62085	2.153.207	172.257	2.325.464	17/10/2023	400001132310004451	2.153.207	172.256	2.325.463
7	23/10/2023	63639	1.138.520	91.082	1.229.602	24/10/2023	400001132310005715	1.138.520	91.082	1.229.602
8	20/10/2023	63398	1.011.665	80.933	1.092.598	25/10/2023	400001132310006182	1.011.665	80.933	1.092.598
9	27/10/2023	65048	3.674.422	293.954	3.968.376	28/10/2023	400001132310006788	3.674.422	293.953	3.968.375
10	26/10/2023	64899	1.505.658	120.453	1.626.111	29/10/2023	400001132310008399	1.505.858	120.468	1.626.326
11	31/10/2023	65229	(105.630)	(10.563)	(116.193)	02/10/2023	266001152310000004	(105.630)	(10.563)	(116.193)
12	31/10/2023	65229	(481.620)	(48.163)	(529.783)	02/10/2023	014001152310000010	(481.620)	(48.163)	(529.783)
13	31/10/2023	65229	(573.125)	(46.724)	(619.849)	02/10/2023	269001152310000017	(573.125)	(46.724)	(619.849)
14	02/10/2023	59231	945.931	75.674	1.021.605	02/10/2023	268001332310000034	945.931	75.675	1.021.606
15	31/10/2023	65229	(101.845)	(8.148)	(109.993)	02/10/2023	400001152310000035	(101.845)	(8.148)	(109.993)
16	31/10/2023	65229	(149.518)	(11.962)	(161.480)	02/10/2023	400001152310000036	(149.518)	(11.962)	(161.480)
17	31/10/2023	65229	(226.226)	(18.098)	(244.324)	03/10/2023	268001142310000005	(226.226)	(18.098)	(244.324)
18	31/10/2023	65229	(105.505)	(8.440)	(113.945)	03/10/2023	267001152310000008	(105.505)	(8.440)	(113.945)
19	31/10/2023	65229	(89.679)	(7.174)	(96.853)	03/10/2023	301001152310000017	(89.679)	(7.174)	(96.853)
20	02/10/2023	59264	1.195.536	95.643	1.291.179	03/10/2023	267001332310000019	1.195.536	95.643	1.291.179
21	02/10/2023	59230	4.716.065	377.285	5.093.350	03/10/2023	010001332310000028	4.716.065	377.284	5.093.349
22	02/10/2023	59270	1.011.928	80.954	1.092.882	03/10/2023	277001332310000036	1.011.928	80.954	1.092.882
23	02/10/2023	59262	1.204.992	96.399	1.301.391	03/10/2023	205001332310000054	1.204.992	96.399	1.301.391
24	02/10/2023	59290	767.378	61.390	828.768	03/10/2023	302001332310000090	767.378	61.390	828.768
25	02/10/2023	59259	666.895	53.352	720.247	03/10/2023	276001332310000103	666.895	53.352	720.247
26	31/10/2023	65229	(47.673)	(3.814)	(51.487)	04/10/2023	273001152310000008	(47.673)	(3.814)	(51.487)
27	31/10/2023	65229	(175.264)	(14.021)	(189.285)	04/10/2023	400001152310000037	(175.264)	(14.021)	(189.285)
28	02/10/2023	59265	448.395	35.872	484.267	04/10/2023	248001332310000074	448.395	35.872	484.267
29	31/10/2023	65229	(188.903)	(15.112)	(204.015)	05/10/2023	217001152310000005	(188.903)	(15.112)	(204.015)

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			
30	04/10/2023	59386	756.012	60.481	816.493	05/10/2023	211001332310000030	756.012	60.481	816.493
31	31/10/2023	65229	(158.320)	(12.665)	(170.985)	05/10/2023	400001152310000038	(158.320)	(12.665)	(170.985)
32	04/10/2023	59447	593.354	47.468	640.822	05/10/2023	273001332310000076	593.354	47.468	640.822
33	02/10/2023	59257	1.581.809	126.545	1.708.354	05/10/2023	003001332310000255	1.581.809	126.544	1.708.353
34	05/10/2023	60342	1.360.054	108.804	1.468.858	06/10/2023	217001332310000084	1.360.054	108.805	1.468.859
35	05/10/2023	60580	907.918	72.633	980.551	06/10/2023	003001332310000281	907.918	72.633	980.551
36	06/10/2023	60622	448.609	35.889	484.498	07/10/2023	221001332310000044	448.609	35.889	484.498
37	31/10/2023	65229	(43.700)	(3.496)	(47.196)	09/10/2023	233001142310000007	(43.700)	(3.496)	(47.196)
38	31/10/2023	65229	(210.496)	(16.840)	(227.336)	09/10/2023	400001152310000039	(210.496)	(16.840)	(227.336)
39	09/10/2023	60863	2.233.218	178.657	2.411.875	09/10/2023	004001332310000133	2.233.218	178.658	2.411.876
40	09/10/2023	60862	2.040.950	163.276	2.204.226	09/10/2023	010001332310000139	2.040.950	163.275	2.204.225
41	09/10/2023	60897	947.784	75.823	1.023.607	12/10/2023	304001332310000303	947.784	75.823	1.023.607
42	31/10/2023	65229	(590.308)	(47.225)	(637.533)	13/10/2023	258001142310000005	(590.308)	(47.225)	(637.533)
43	31/10/2023	65229	(425.458)	(34.037)	(459.495)	13/10/2023	241001152310000010	(425.458)	(34.037)	(459.495)
44	31/10/2023	65229	(69.759)	(5.581)	(75.340)	13/10/2023	276001152310000035	(69.759)	(5.581)	(75.340)
45	31/10/2023	65229	(105.505)	(8.440)	(113.945)	13/10/2023	248001152310000040	(105.505)	(8.440)	(113.945)
46	10/10/2023	60992	1.505.236	120.419	1.625.655	13/10/2023	301001332310000442	1.505.236	120.418	1.625.654
47	11/10/2023	61073	1.106.067	88.485	1.194.552	13/10/2023	302001332310000518	1.106.067	88.485	1.194.552
48	10/10/2023	60957	940.209	75.217	1.015.426	13/10/2023	005001332310000550	940.209	75.218	1.015.427
49	31/10/2023	65229	(269.037)	(21.523)	(290.560)	14/10/2023	002001152310000028	(269.037)	(21.523)	(290.560)
50	31/10/2023	65229	(408.662)	(32.693)	(441.355)	14/10/2023	006001152310000046	(408.662)	(32.693)	(441.355)
51	13/10/2023	61926	3.683.665	294.693	3.978.358	14/10/2023	006001332310000205	3.683.665	294.692	3.978.357
52	13/10/2023	61916	612.993	49.039	662.032	15/10/2023	241001332310000112	612.993	49.039	662.032
53	13/10/2023	62008	744.319	59.546	803.865	15/10/2023	273001332310000224	744.319	59.545	803.864
54	13/10/2023	62009	896.790	71.743	968.533	15/10/2023	001001332310000635	896.790	71.743	968.533
55	31/10/2023	65229	(673.494)	(53.880)	(727.374)	16/10/2023	306001152310000029	(673.494)	(53.880)	(727.374)
56	31/10/2023	65229	(211.010)	(16.881)	(227.891)	16/10/2023	270001152310000038	(211.010)	(16.881)	(227.891)
57	31/10/2023	65229	(52.815)	(4.225)	(57.040)	17/10/2023	241001152310000014	(52.815)	(4.225)	(57.040)
58	16/10/2023	62084	896.790	71.743	968.533	17/10/2023	270001332310000301	896.790	71.743	968.533
59	16/10/2023	62135	746.025	59.682	805.707	17/10/2023	276001332310000576	746.025	59.682	805.707
60	31/10/2023	65229	(611.298)	(48.904)	(660.202)	18/10/2023	304001152310000060	(611.298)	(48.904)	(660.202)
61	17/10/2023	62239	770.940	61.675	832.615	18/10/2023	235001332310000182	770.940	61.675	832.615
62	17/10/2023	62240	2.186.180	174.894	2.361.074	18/10/2023	004001332310000329	2.186.180	174.894	2.361.074
63	31/10/2023	65229	(321.792)	(25.743)	(347.535)	19/10/2023	203001152310000039	(321.792)	(25.743)	(347.535)
64	31/10/2023	65229	(83.398)	(6.672)	(90.070)	20/10/2023	234001152310000014	(83.398)	(6.672)	(90.070)
65	31/10/2023	65229	(400.038)	(32.003)	(432.041)	20/10/2023	274001152310000018	(400.038)	(32.003)	(432.041)
66	18/10/2023	62351	806.561	64.525	871.086	20/10/2023	268001332310000560	806.561	64.525	871.086
67	31/10/2023	65229	(91.373)	(7.310)	(98.683)	22/10/2023	235001152310000009	(91.373)	(7.310)	(98.683)
68	31/10/2023	65229	(131.100)	(10.488)	(141.588)	23/10/2023	211001142310000021	(131.100)	(10.488)	(141.588)
69	31/10/2023	65229	(105.630)	(8.450)	(114.080)	23/10/2023	301001152310000075	(105.630)	(8.450)	(114.080)
70	31/10/2023	65229	(346.261)	(27.701)	(373.962)	23/10/2023	400001152310000176	(346.261)	(27.701)	(373.962)
71	31/10/2023	65229	(179.358)	(14.349)	(193.707)	24/10/2023	248001142310000010	(179.358)	(14.349)	(193.707)
72	31/10/2023	65229	(179.358)	(14.349)	(193.707)	24/10/2023	001001152310000097	(179.358)	(14.349)	(193.707)
73	23/10/2023	63685	897.105	71.768	968.873	24/10/2023	003001332310001173	897.105	71.768	968.873
74	31/10/2023	65229	(721.370)	(57.710)	(779.080)	25/10/2023	277001152310000055	(721.370)	(57.710)	(779.080)

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			

23-23.Thường doanh số không điều kiện (FUJI)

Thường doanh số không điều kiện (FUJI) T10										21.484.872
										3,25
										698.258

23-3.Thường thanh toán đúng hạn (FUJI)

Thường thanh toán đúng hạn (FUJI T10										21.484.872
										1,50
										322.273

23-23.Thường doanh số không điều kiện

Thường doanh số không điều kiện T10										36.946.060
										3,25
										1.200.747

23-3.Thường thanh toán đúng hạn

Thường thanh toán đúng hạn T10										36.946.060
										1,50
										554.191

23-18.Hỗ trợ trưng bày (FUJI)

Hỗ trợ trưng bày (FUJI) T10										23.203.662
										1,25
										290.046

23-11.Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết (FUJI)

Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết (FUJI) T10										23.203.662
										1,00
										232.037

23-6.Hỗ trợ đặt đơn hàng tập trung (FUJI)

Hỗ trợ đặt đơn hàng tập trung Fuji T10										23.203.662
										0,50
										116.018

23-18.Hỗ trợ trưng bày

Hỗ trợ trưng bày T10										39.901.745
										1,25
										498.772

23-11.Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết

Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết T10										39.901.745
										1,00
										399.017

23-6.Hỗ trợ đặt đơn hàng tập trung

Hỗ trợ đặt đơn hàng tập trung T10										39.901.745
										0,50
										199.509

IV - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

4.510.868

V - TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (V = III - IV)

58.581.916

Bằng chữ: Năm mươi tám triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, chín trăm mười sáu đồng chẵn

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			

Ngày.....tháng.....năm.....

PHÒNG TCKT
KẾ TOÁN NH KẾ TOÁN TT

KIỂM SOÁT TT

TRƯỞNG BP KSTT

KTT

BAN TGD

**Nguyễn Thị Tú
Quyên**